

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Khắc Kiềm

2. Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1984

Bị đơn: Anh Vũ Ngọc Tr, sinh năm 1981.

Cùng HKTT: Thôn B, xã Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T; Anh Tr có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc Tr kết hôn với nhau vào ngày 18/3/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, hay xung đột. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Vũ Ngọc Tr.

Về con chung: Chị Tuyến và anh Vũ Ngọc Tr có 02 con chung là cháu Vũ Chí H, sinh ngày 10/11/2009 và cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 01/11/2013. Nguyên

vọng của chị T khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Vũ Ngọc Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Đ, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, khi bàn công việc chung của gia đình thì mỗi người mỗi ý. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để dàn xếp nhưng không thành. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 4 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng rất căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Vũ Chí H, sinh ngày 10/11/2009 và cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 01/11/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, hai cháu ở cùng với chị T. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con còn anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng, anh đồng ý.

Về tài sản, công nợ: Anh Tr không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Vũ Chí H và cháu Vũ Tuệ L có nguyện vọng được ở với mẹ.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Anh Tr và chị T kết hôn năm 2009 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn B, xã Q, thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống, anh Tr và chị T có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, anh Tr vẫn đang sinh sống tại địa phương còn chị T đã về nhà mẹ đẻ tại huyện Y ở. Việc chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Công nhận chị Lưu Thị T và anh Vũ Ngọc Tr thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Vũ Chí H và cháu Vũ Tuệ L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Vũ Ngọc Tr hiện đang cư trú tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh Tr là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Lưu Thị T và anh Vũ Ngọc Tr kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh, chị không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh Tr cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận chị Lưu Thị T và anh Vũ Ngọc Tr thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị T và anh Tr công nhận có 02 con chung là cháu Vũ Chí H, sinh ngày 10/11/2009 và cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 01/11/2013. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng. Anh Tr cũng thống nhất với nguyện vọng của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tuyền. Giao cháu Vũ Chí H và cháu Vũ Tuệ L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng.

[4] Về tài sản: Chị T và anh Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật; Anh Tr phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: - Về hôn nhân: Công nhận chị Lưu Thị T và anh Vũ Ngọc Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận chị Lưu Thị T và anh Vũ Ngọc Tr có 02 con chung là cháu Vũ Chí H, sinh ngày 10/11/2009 và cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 01/11/2013. Giao cháu H và cháu L cho chị Tuyển trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu H và cháu L đủ 18 tuổi.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T và anh Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001677 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Tr phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tr vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh